UBND TỈNH GIA LAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4253 /KH-SYT	*Gia Lai, ngày 02 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 (Moderna) do Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ đợt 182 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Thực hiện tiếp theo Kế hoạch số 905/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Kế hoạch số 169/KH-BCĐ ngày 01/4/2022 của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai về việc triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-VSDTTƯ ngày 25/11/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 182.

Thực hiện Công văn số 928/VTN-KSBTN ngày 29/11/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên về việc tiếp nhận và vận chuyển vắc xin phòng COVID-19 (Moderna) đợt 182 đến tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk và Đăk Nông.

Thực hiện Công văn số 3948/VP-KGVX ngày 01/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc đồng ý Kế hoạch tiếp nhận , sử dụng vắc xin phòng Covid-19 vắc xin (Moderna) do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ đợ t 182 cho tỉnh Gia Lai.

Sở Y tế phân bổ vắc xin đến các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thực hiện tiêm vắc xin Moderna cho đối tượng từ 6 đến dưới 12 tuổi tại địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC TIÊU

Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch đã được Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai phê duyệt.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Vắc xin, Đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai

1.1. Vắc xin

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-VSDTTƯ ngày 25/11/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Vắc xin (Moderna) đợt 182: Tổng liều 30.100 liều, tiêm cho đối tượng từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi; Lô 054C22A; HSD: 20/01/2023; ngày rã đông 29/11/2022);

Lưu ý: Vắc xin Moderna phân bổ đợt này hiện đang được bảo quản tại nhiệt độ từ - 25 độ C đến – 15 độ C được sử dụng ƯU TIÊN TIÊM MŨI 2 cho trẻ từ 6 đến dưới 12 tuổi đã được tiêm mũi 1 và vắc xin Moderna (liều 0,25ml cho mỗi trẻ). Trường hợp trẻ đủ 12 sẽ tiêm liều 0,5ml theo hướng dẫn của Bộ Y

tế. Trường hợp các địa phương đã triển khai tiêm trả hết mũi 2 cho trẻ mà vẫn còn thừa thì có thể sử dụng vắc xin Moderna để tiêm mũi nhắc lại cho người lớn với liều lượng là 0,25ml.

Phân bổ: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục I; II kèm theo).*

1.2. Đối tượng triển khai:

***** Tiêm M1, M2 (liều cơ bản) cho trẻ từ 05 tuổi đến dưới 12 tuổi trên địa bàn tỉnh. ***ƯU TIÊN TIÊM MŨI 2 cho trẻ từ 6 đến dưới 12 tuổi đã được tiêm mũi 1***

- Theo hướng dẫn Công văn 3309/BYT-DP ngày 23/6/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tiêm vắc xin phòng COVID-19.

Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố lập danh sách đối tượng theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 của các huyện, thị xã, thành phố.

1.3. Phạm vi triển khai

- Chọn địa điểm ưu tiêm: Tại trường học, tại các Trạm Y tế và các điểm tiêm cộng động. Thông báo cho các Trường học, các cơ sở bảo trợ xã hội, tổ dân phố vận động các đối tượng đến tiêm vắc xin COVID-19 theo các khung giờ trong ngày đảm bảo các tiêu chí phòng chống dịch.

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ban chỉ đạo phòng, chống dịch mở rộng điểm tiêm tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

1.4. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Triển khai kết thúc trước ngày ***25/12/2022.***

- Địa điểm tiêm: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn chọn địa điểm triển khai.

2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư

- Theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19

- Thời gian thực hiện: Trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương

- Thực hiện các quy trình lập kế hoạch, tổ chức tiêm chủng, theo dõi sau khi tiêm, ứng dụng CNTT theo các hướng dẫn của Sở Y tế và Tiểu ban Ứng dụng CNTT và Truyền thông của Ban chỉ đạo tiêm chủng tỉnh Gia Lai.

- Thông báo thầy, cô ngày, giờ để phụ huynh đưa trẻ đến tiêm chủng.

- Sàng lọc đối tượng trước buổi tiêm chủng

+ Sử dụng phiếu tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19.

+ Sau khi tư vấn người giám hộ trẻ (bố, mẹ) ký xác nhận "Phiếu đồng ý tham gia tiêm chủng vắc xin Covid-19" tại buổi tiêm hoặc gửi phiếu đồng ý trước đó.

Chú ý: *Tạm hoãn tiêm chủng đối với trẻ nhiễm COVID-19 trong vòng 03 tháng theo Công văn số 1848/BYT-DP của Bộ Y tế.*

5.2. Đơn vị tổ chức điểm tiêm chủng

Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng. Thành lập đội cấp cứu do Bệnh viện đảm nhận

6. Công tác đảm bảo tiêm chủng

- Đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch.
- Giám sát điểm tiêm chủng.
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm.
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm.

7. Trách nhiệm từng đơn vị

7.1. Đối với cơ sở tiêm chủng

- Xếp lịch tiêm, thông báo đến từng địa phương và đơn vị được tiêm vắc xin. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần tiêm vắc xin COVID-19.**

7.2. Địa phương triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể có liên quan phối hợp ngành y tế, tổ chức triển khai tiêm phòng vắc xin COVID-19 cho đối tượng từ 6 đến dưới 12 tuổi trở lên tại địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 đợt 182 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đề nghị Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH GIA LAI

Đinh Hà Nam

Nơi nhận:
- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương;
- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên;
- Các thành viên BCĐ phòng, chống dịch của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, NVY.

Phụ lục 1

Kết quả tiêm phòng COVID-19 độ tuổi từ 5 đến dưới 12 tuổi.

STT	Tên đơn vị hành chính	Số đối tượng	Mũi tiêm theo độ tuổi 05-11T - Lũy kế			Tỷ lệ		Số đối tượng chưa tiêm mũi 2 Moderna
			Lũy kế - Mũi tiêm 1	Lũy kế - Mũi tiêm 2	Tổng số mũi tiêm - Lũy kế	Mũi 1	Mũi 2	
1	Thành phố Pleiku	29,700	29,195	16,950	46,145	98.30%	57.07%	1660
2	Huyện Đăk Đoa	19,559	19,191	15,273	34,464	98.12%	78.09%	2000
3	Huyện Chư Păh	11,599	10,083	6,606	16,689	86.93%	56.95%	2000
4	Huyện Kông Chro	8,211	8,931	7,815	16,746	108.77%	95.18%	300
5	Huyện Ia Grai	13,480	14,261	8,327	22,588	105.79%	61.77%	830
6	Huyện KBang	8,997	8,170	4,566	12,736	90.81%	50.75%	1000
7	Thị xã AYun Pa	5,537	4,963	2,443	7,406	89.63%	44.12%	1500
8	Huyện Chư Prông	19,547	15,970	9,564	25,534	81.70%	48.93%	2220
9	Thị xã An Khê	9,133	7,302	4,820	12,122	79.95%	52.78%	1040
10	Huyện Chư Pưh	12,754	11,843	7,405	19,248	92.86%	58.06%	1860
11	Huyện Đức Cơ	10,530	8,685	3,475	12,160	82.48%	33.00%	3000
12	Huyện Mang Yang	10,070	10,161	6,421	16,582	100.90%	63.76%	1090
13	Huyện Ia Pa	8,103	7,430	4,873	12,303	91.69%	60.14%	1200
14	Huyện Đăk Pơ	4,500	4,777	2,931	7,708	106.16%	65.13%	900
15	Huyện Chư Sê	17,800	15,746	9,400	25,146	88.46%	52.81%	2230
16	Huyện Phú Thiện	10,524	9,908	6,377	16,285	94.15%	60.59%	2000
17	Huyện Krông Pa	12,173	11,250	6,003	17,253	92.42%	49.31%	3000
	Tổng cộng	**212,217**	**197,866**	**123,249**	**321,115**	**93.24%**	**58.08%**	**27830**

Phụ lục 2

Dự kiến phân bổ vắc xin, vật tư tiêm chủng đợt 182

STT	Tên đơn vị hành chính	Số đối tượng chưa tiêm mũi 2 Moderna	Phân bổ vắc xin Moderna	BKT 1ml	HAT	Ghi chú
1	Thành phố Pleiku	1660	1990	1990	22	
2	Huyện Đăk Đoa	2000	2200	2200	24	
3	Huyện Chư Păh	2000	2100	2100	23	
4	Huyện Kông Chro	300	300	300	3	
5	Huyện Ia Grai	830	1000	1000	11	
6	Huyện KBang	1000	1120	1120	12	
7	Thị xã AYun Pa	1500	1620	1620	18	
8	Huyện Chư Prông	2220	2340	2340	26	
9	Thị xã An Khê	1040	1160	1160	13	
10	Huyện Chư Pưh	1860	2000	2000	22	
11	Huyện Đức Cơ	3000	3100	3100	34	
12	Huyện Mang Yang	1090	1210	1210	13	
13	Huyện Ia Pa	1200	1370	1370	15	
14	Huyện Đăk Pơ	900	1000	1000	11	
15	Huyện Chư Sê	2230	2350	2350	26	
16	Huyện Phú Thiện	2000	2120	2120	23	
17	Huyện Krông Pa	3000	3120	3120	34	
Tổng cộng		**27830**	**30100**	**30100**	**331**	